

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ TÀI CHÍNH
HOÀNG HUY**

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2016 đến 31/03/2016
(đã được soát xét)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm quả công tác soát xét	04
Báo cáo tài chính riêng đã được soát xét	05 - 32
Bảng cân đối kế toán	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	08 - 09
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	10 - 31

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho kỳ kế toán từ 01/01/2016 đến 31/03/2016.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0200117929 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 25 tháng 12 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ tám ngày 16 tháng 03 năm 2016 với tổng số vốn điều lệ là 1.200 tỷ đồng.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 116 Nguyễn Đức Cảnh, Phường Cát Dài, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông: Đỗ Hữu Hạ	Chủ tịch	
Ông: Đỗ Hữu Hưng	Ủy viên	
Bà: Nguyễn Thị Hà	Ủy viên	
Ông: Vũ Trọng Long	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 30 tháng 03 năm 2016)
Ông: Phạm Mạnh Hùng	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 30 tháng 03 năm 2016)

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông: Đỗ Hữu Hạ	Tổng Giám đốc
Bà: Trần Thị Hoàng Hà	Phó Tổng Giám đốc
Ông: Đỗ Hữu Hậu	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà: Nguyễn Thị Tươi	Trưởng ban
Bà: Phan Thị Thu Hương	Thành viên
Bà: Nguyễn Thị Thúy Nga	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính riêng cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban Quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;

Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy

Số 116 Nguyễn Đức Cảnh, Phường Cát Dài, Quận Lê Chân,
Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/03/2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ 01/01/2016 đến 31/03/2016, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Đỗ Hữu Hạ

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 07 tháng 04 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Kính gửi: **Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Bảng cân đối kế toán của Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy tại ngày 31/03/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/03/2016 .

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về Báo cáo tài chính này căn cứ trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính riêng theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính riêng không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Cát Thị Hà

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

số: 0725-2013-002-1

Hà Nội, ngày 14 tháng 04 năm 2016



Nguyễn Ngọc Lân

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

số: 1427-2013-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2016

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/03/2016	01/01/2016
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		365.321.460.701	632.475.589.714
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	154.445.677.790	117.886.697.548
111	1. Tiền		6.445.677.790	1.036.697.548
112	2. Các khoản tương đương tiền		148.000.000.000	116.850.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	04	83.175.000.000	-
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		83.175.000.000	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		20.967.246.999	289.824.684.991
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	05	16.550.773.012	2.345.030.413
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		3.522.318.389	286.050.693.526
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	06	894.155.598	1.428.961.052
140	IV. Hàng tồn kho	07	103.077.842.276	211.035.010.178
141	1. Hàng tồn kho		104.000.522.276	212.571.490.178
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(922.680.000)	(1.536.480.000)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		3.655.693.636	13.729.196.997
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	66.666.664	166.666.666
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		3.585.963.972	13.562.467.331
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	13	3.063.000	63.000
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.023.160.413.525	812.038.096.502
220	II. Tài sản cố định		288.368.222.656	289.198.441.413
221	1. Tài sản cố định hữu hình	09	39.859.877.862	40.640.387.537
222	- Nguyên giá		76.301.795.101	85.620.655.797
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(36.441.917.239)	(44.980.268.260)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	248.508.344.794	248.558.053.876
228	- Nguyên giá		251.329.385.890	251.329.385.890
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.821.041.096)	(2.771.332.014)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	08	28.392.190.869	16.439.655.089
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		28.392.190.869	16.439.655.089
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	04	706.400.000.000	506.400.000.000
251	1. Đầu tư vào công ty con		356.000.000.000	156.000.000.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		350.400.000.000	350.400.000.000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.388.481.874.226	1.444.513.686.216

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2016
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/03/2016	01/01/2016
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		109.413.621.868	168.456.303.524
310	I. Nợ ngắn hạn		109.413.621.868	168.456.303.524
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	2.184.604.045	4.855.255.887
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		105.222.088.264	158.746.913.515
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	762.142.020	4.181.803.059
318	4. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	14	1.107.191.476	534.735.000
322	5. Quỹ khen thưởng phúc lợi		137.596.063	137.596.063
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.279.068.252.358	1.276.057.382.692
410	I. Vốn chủ sở hữu	15	1.279.068.252.358	1.276.057.382.692
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		1.200.000.000.000	1.200.000.000.000
411a	<i>Cổ đông phổ thông có quyền biểu quyết</i>		1.200.000.000.000	1.200.000.000.000
421	2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		79.068.252.358	76.057.382.692
421a	<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước</i>		76.057.382.692	4.101.802.120
421b	<i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>		3.010.869.666	71.955.580.572
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.388.481.874.226	1.444.513.686.216

Người lập biểu



Nguyễn Thị Thu Hương

Kế toán trưởng



Phùng Thị Thu Hương

Lập, ngày 07 tháng 04 năm 2016



Tổng Giám đốc

Đỗ Hữu Hạ

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Kỳ kế toán từ 01/01/2016 đến 31/03/2016

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	17	122.126.199.651	15.509.586.222
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	18	22.727.273	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	19	122.103.472.378	15.509.586.222
11	4. Giá vốn hàng bán	20	118.300.979.213	12.612.734.715
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		3.802.493.165	2.896.851.507
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	1.883.431.194	69.032.956
22	7. Chi phí tài chính	22	11.279.910	10.071.000
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
25	8. Chi phí bán hàng	23	392.703.909	3.180.000
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	1.746.861.952	1.856.194.989
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		3.535.078.588	1.096.438.474
31	11. Thu nhập khác	25	228.758.494	477.214.508
32	12. Chi phí khác		-	-
40	13. Lợi nhuận khác		228.758.494	477.214.508
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		3.763.837.082	1.573.652.982
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	26	752.967.416	346.423.656
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>3.010.869.666</u>	<u>1.227.229.326</u>

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thu Hương

Kế toán trưởng

Phùng Thị Thu Hương

Lập, ngày 07 tháng 04 năm 2016

Tổng Giám đốc



Đỗ Hữu Hạ

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Kỳ kế toán từ 01/01/2016 đến 31/03/2016

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		3.763.837.082	1.573.652.982
	2. Điều chỉnh cho các khoản		(1.819.861.431)	720.010.379
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		906.128.257	789.043.335
03	- Các khoản dự phòng		(613.800.000)	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(2.112.189.688)	(69.032.956)
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		1.943.975.651	2.293.663.361
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		280.010.910.030	22.066.142.462
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		108.570.967.902	(5.177.616.112)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(55.622.235.277)	(14.845.806.791)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		100.000.002	(26.518.742)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(4.173.413.795)	(304.141.466)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		330.830.204.513	4.005.722.712
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(13.231.289.808)	(2.925.194.601)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		251.634.343	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(121.545.000.000)	(42.000.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		38.370.000.000	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(200.000.000.000)	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.883.431.194	69.032.956
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(294.271.224.271)	(44.856.161.645)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Kỳ kế toán từ 01/01/2016 đến 31/03/2016

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	429.910.600.000
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
40	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		-	<i>429.910.600.000</i>
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		36.558.980.242	389.060.161.067
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		117.886.697.548	26.596.523.796
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	03	<u>154.445.677.790</u>	<u>415.656.684.863</u>

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thu Hương

Kế toán trưởng

Phùng Thị Thu Hương

Lập, ngày 07 tháng 04 năm 2016

Tổng Giám đốc



Đỗ Hữu Hạ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Kỳ kế toán từ 01/01/2016 đến 31/03/2016

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0200117929 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 25 tháng 12 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ tám ngày 16 tháng 03 năm 2016 với tổng số vốn điều lệ là 1.200 tỷ đồng.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 116 Nguyễn Đức Cảnh, Phường Cát Dài, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty là: 1.200.000.000.000 đồng; Tương đương 120.000.000 cổ phần, Mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
 - Vận tải hành khách đường thủy nội địa;
 - Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Chi tiết: Vận tải hàng hóa bằng ô tô, xe container;
 - Vận tải hành khách ven biển và viễn dương;
 - Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy;
 - Bán mô tô, xe máy;
 - Khai thác và thu gom than cứng;
 - Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
 - Khai thác quặng sắt;
 - Vận tải quặng sắt;
 - Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
 - Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
 - Xây dựng công trình công ích; Chi tiết: Thi công, lắp đặt đường dây và trạm biến áp đến 35Kv;
 - Khai thác và thu gom than non;
 - Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt; Chi tiết: Khai thác quặng bôxít; Khai thác quặng đồng, chì, niken;
 - Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
 - Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
 - Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Chi tiết: Bán buôn sắt, thép;
 - Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Chi tiết: Xây dựng và sửa chữa công trình giao thông;
 - Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; Bán buôn xi măng; Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; Bán buôn kính xây dựng; Bán buôn sơn, vecsni; Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; Bán buôn đồ ngũ kim; Bán buôn bê tông thương phẩm;
 - Khai thác và thu gom than bùn;
 - Sản xuất thân xe có động cơ; Rơ moóc và bán rơ moóc;
 - Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe;
 - Sản xuất xe có động cơ; Chi tiết: Sản xuất xe có động cơ, rơ moóc và bán rơ moóc;
 - Sản xuất mô tô, xe máy;
 - Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
 - Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
 - Chuẩn bị mặt bằng; Chi tiết: San lấp mặt bằng;
- Hoạt động chính của Công ty (tiếp):

- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện);
- Đúc sắt, thép;
- Gia công cơ khí; Xử lý và tráng phủ kim loại;
- Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống);
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác;
- Vận tải hành khách đường bộ khác; Chi tiết: Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh; Vận tải hành khách bằng ô tô theo tuyến cố định và theo hợp đồng;
- Xây dựng nhà các loại; Chi tiết: Xây dựng, sửa chữa nhà các loại;
- Lắp đặt hệ thống điện; Chi tiết: Lắp đặt hệ thống điện, hệ thống chiếu sáng, hệ thống báo cháy báo động, chống trộm;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Hoạt động tư vấn quản lý; Chi tiết: Tư vấn quản lý dự án (Nhóm C);
- Tư vấn, môi giới, đầu giá bất động sản, đầu giá quyền sử dụng đất; Chi tiết: Dịch vụ môi giới bất động sản; Dịch vụ định giá bất động sản; Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản; Dịch vụ tư vấn bất động sản; Dịch vụ quản cáo bất động sản; Dịch vụ quản lý bất động sản;
- Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy;
- Môi giới hợp đồng hàng hóa và chứng khoán; (Không bao gồm môi giới chứng khoán, bảo hiểm, tài chính, bất động)
- Đúc kim loại màu (trừ đúc vàng);
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; Chi tiết: bán buôn than đá và nhiên liệu rắn khác;
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt); Chi tiết: Vận tải hành khách bằng taxi;
- Hoạt động cấp tín dụng khác; Chi tiết: Dịch vụ cầm đồ.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng

- Theo Nghị Quyết Đại hội cổ đông Bất thường số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 10/11/2015 thì Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy có kế hoạch thực hiện tách hoạt động bất động sản thành lập Công ty Cổ phần Bất động sản Hoàng Huy. Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy đã được cấp Giấy đăng ký kinh doanh số 0200117929 ngày 07 tháng 12 năm 2015 của Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hải Phòng. Theo Nghị quyết này, Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy sẽ thực hiện bàn giao cho Công ty Cổ phần Bất Động sản Hoàng Huy bao gồm: Giá trị khoản Đầu tư dài hạn (Công ty con và Công ty liên kết) là 372.000 triệu đồng, Tài sản cố định có Nguyên giá 199.686 triệu đồng và Tiền gửi ngân hàng là 315 triệu đồng.
- Ngày 20 tháng 01 năm 2016 Công ty đã có Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông Bất thường số 01/NQ-ĐHĐCĐ hủy bỏ kế hoạch chia tách Công ty Cổ phần Bất động sản Hoàng Huy như đã nêu trên. Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy đã được Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp Giấy Đăng ký kinh doanh số 0200117929 ngày 16 tháng 03 năm 2016 thay thế cho Giấy Đăng ký kinh doanh số 0200117929 ngày 07 tháng 12 năm 2015. Công ty không thực hiện chuyển giao tài sản và quyền sở hữu tài sản cho Công ty Cổ phần Bất động sản Hoàng Huy.
- Theo Quyết định Đại hội đồng cổ đông số 01/2016/QĐ-ĐHĐCĐ ngày 20/01/2016 thì Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy sẽ đầu tư bổ sung vào Công ty Cổ phần Thương mại Hưng Việt là 20.000.000 cổ phần, trị giá 200.000.000.000 đồng. Số cổ phần Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy sau khi bổ sung là 35.000.000 cổ phần; Tương đương 350.000.000.000 đồng; Chiếm 97,22% Vốn chủ sở hữu tại Công ty Cổ phần Thương mại Hưng Việt. Đến thời điểm 31/03/2016, Công ty đã hoàn thành việc đầu tư bổ sung vào Công ty Cổ phần Thương mại Hưng Việt.
- Trong năm 2016, Công ty đăng ký chuyển kỳ kế toán năm theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/04 và kết thúc vào ngày 31/03 hàng năm.



Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy tại Hà Nội	Số 275 Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội	Kinh doanh bất động sản
Địa điểm kinh doanh số 1	Km 9 Quốc lộ 5 mới, xã Nam Sơn, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng	Sản xuất thùng xe tải

Thông tin về các công ty con, công ty liên doanh, liên kết của Công ty: Xem chi tiết tại Thuyết minh số 04.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Từ năm 2016, Công ty đăng ký chuyển kỳ kế toán năm theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/04 và kết thúc vào ngày 31/03 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3. Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Ngày 22/12/2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, và có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015.

2.4. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định cụ thể về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.



2.5. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: Là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi góp vốn hoặc nhận góp vốn: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- Khi ghi nhận nợ phải thu: Là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: Là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ: Là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: Áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: Áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: Áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

2.6. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác bao gồm: Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

2.8. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.9. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10. Tài sản cố định và khấu hao Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 26 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 15 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 05 năm
- Quyền sử dụng đất	30 năm
- Phần mềm quản lý	08 năm

2.11. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.12. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.13. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

2.14. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

2.15. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.16. Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

2.18. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

105
NG T
NH
G K
A/
OAN

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/03/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt	624.060.424	283.212.078
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	5.821.617.366	753.485.470
Các khoản tương đương tiền	148.000.000.000	116.850.000.000
	154.445.677.790	117.886.697.548

Tại thời điểm 31/03/2016, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn từ ngày 30/03/2016 đến 31/05/2016 có giá trị 148.000.000.000 đồng được gửi tại các Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Hải Phòng và Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Hải Phòng với lãi suất là: 5,3%/ năm.

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/03/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn	83.175.000.000	-	-	-
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	83.175.000.000	-	-	-
	83.175.000.000	-	-	-

(*) Tại thời điểm 31/03/2016, khoản Đầu tư ngắn hạn là khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng được gửi tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Phạm Hùng. Theo hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số: 33175.30012016/HĐTG/TPB-PHG ngày 30/01/2016 và hợp đồng số: 50.30012016/HĐTG/TPB-PHG ngày 30/01/2016 thì lãi suất tiền gửi có kỳ hạn là 6,2%/ năm.

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/03/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND
Đầu tư vào Công ty con	356.000.000.000	356.000.000.000	-	156.000.000.000
- Công ty Cổ phần Thương mại Hưng Việt	356.000.000.000	356.000.000.000	-	156.000.000.000
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	350.400.000.000	350.400.000.000	-	350.400.000.000
- Công ty CP Dịch vụ Thương mại Lâm Hậu	80.000.000.000	80.000.000.000	-	80.000.000.000
- Công ty CP Phát triển Dịch vụ Trường Giang	134.400.000.000	134.400.000.000	-	134.400.000.000
- Công ty CP Đầu tư Dịch vụ Hoàng Hà	136.000.000.000	136.000.000.000	-	136.000.000.000
	706.400.000.000	706.400.000.000	-	506.400.000.000

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.



Đầu tư vào công ty con

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 31/03/2016 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Thương mại Hưng Việt	Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội	97,22%	97,22%	Đầu tư bất động sản

Lí do thay đổi đối với từng khoản đầu tư vào công ty con:

- Trong quý I/2016, Công ty đầu tư bổ sung 20.000.000 cổ phần, tương đương 200.000.000.000 đồng vào Công ty Cổ phần Thương mại Hưng Việt theo Quyết định Đại hội đồng cổ đông số 01/2016/QĐ-ĐHĐCĐ ngày 20/01/2016. Theo đó, tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết tăng từ 93,75% lên 97,22%.

Đầu tư vào công ty liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty vào ngày 31/03/2016 như sau:

Tên công ty liên doanh, liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Lâm Hậu	Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng	44,44%	44,44%	Kinh doanh ô tô, sản xuất và kinh doanh phụ tùng liên quan
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Hà	Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng	42,50%	42,50%	Kinh doanh ô tô, sản xuất và kinh doanh phụ tùng liên quan
Công ty Cổ phần Phát triển Dịch vụ Trường Giang	Xã Nam Sơn, Huyện An Dương, Hải Phòng	48,00%	48,00%	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và Công ty con, liên doanh, liên kết trong kỳ: Xem Thuyết minh 30.

5. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/03/2016	01/01/2016
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn		
- Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Thành Nam	2.580.000.000	-
- Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Vật tư Đức Vinh	1.848.000.000	-
- Công ty TNHH Thương mại và Vật tư Tân Ngọc Việt	4.200.000.000	-
- NAVISTAR, INC	1.040.205.000	-
- Công ty TNHH MTV ô tô Trung Việt	429.000.000	429.000.000
- Công ty TNHH ô tô Hồng Sơn Star Đà Nẵng	630.000.000	480.000.000
- Các khoản phải thu khách hàng khác	5.823.568.012	1.436.030.413
	16.550.773.012	2.345.030.413
b) Phải thu của khách hàng phân loại theo kỳ hạn thanh toán		
- Các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn	16.550.773.012	2.345.030.413
	16.550.773.012	2.345.030.413
c) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	351.999.999	-

6. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	01/01/2016			
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Phải thu lãi dự thu tiền gửi	892.938.473	-	1.115.087.916	-
- Phải thu Công ty bất động sản Hoàng Huy về ứng tiền theo Quyết định chia tách	-	-	313.873.136	-
- Phải thu về BHXH	1.217.125	-	-	-
	894.155.598	-	1.428.961.052	-

7. HÀNG TỒN KHO

	01/01/2016			
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Nguyên liệu, vật liệu	147.064.192	-	2.007.920.991	-
- Thành phẩm	73.371.723.771	-	3.431.658.734	-
- Hàng hóa	26.417.033.803	(922.680.000)	205.660.683.092	(1.536.480.000)
- Hàng gửi bán	4.064.700.510	-	1.471.227.361	-
	104.000.522.276	(922.680.000)	212.571.490.178	(1.536.480.000)

8. TÀI SẢN DỞ DANG DÀI HẠN

	31/03/2016	01/01/2016
	VND	VND
- Xây dựng cơ bản	28.392.190.869	16.439.655.089
+ Công trình Tòa nhà 186 Bà Triệu	28.392.190.869	16.439.655.089
	28.392.190.869	16.439.655.089



9 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	TSCĐ dùng trong quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	64.812.022.498	11.410.359.746	8.663.227.727	735.045.826	-	85.620.655.797
- Mua trong kỳ	-	-	-	-	75.909.500	75.909.500
- Thanh lý, nhượng bán	-	(9.394.770.196)	-	-	-	(9.394.770.196)
Số dư cuối kỳ	64.812.022.498	2.015.589.550	8.663.227.727	735.045.826	75.909.500	76.301.795.101
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	28.379.550.003	11.309.995.310	4.842.281.664	448.441.283	-	44.980.268.260
- Khấu hao trong kỳ	585.958.893	9.492.495	234.901.086	19.740.909	6.325.792	856.419.175
- Thanh lý, nhượng bán	-	(9.394.770.196)	-	-	-	(9.394.770.196)
Số dư cuối kỳ	28.965.508.896	1.924.717.609	5.077.182.750	468.182.192	6.325.792	36.441.917.239
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	36.432.472.495	100.364.436	3.820.946.063	286.604.543	-	40.640.387.537
Tại ngày cuối kỳ	35.846.513.602	90.871.941	3.586.044.977	266.863.634	69.583.708	39.859.877.862

- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

12.043.512.606 đồng

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	251.217.489.700	111.896.190	251.329.385.890
Số dư cuối kỳ	<u>251.217.489.700</u>	<u>111.896.190</u>	<u>251.329.385.890</u>
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	2.659.435.824	111.896.190	2.771.332.014
- Khấu hao trong kỳ	49.709.082	-	49.709.082
Số dư cuối kỳ	<u>2.709.144.906</u>	<u>111.896.190</u>	<u>2.821.041.096</u>
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	248.558.053.876	-	248.558.053.876
Tại ngày cuối kỳ	<u>248.508.344.794</u>	<u>-</u>	<u>248.508.344.794</u>

- Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 111.896.190 đồng

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/03/2016	01/01/2016
	VND	VND
- Chi phí trả trước về quảng cáo	66.666.664	166.666.666
	<u>66.666.664</u>	<u>166.666.666</u>

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	01/01/2016	
			Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- NAVISTAR, INC	641.357.676	641.357.676	3.697.980.300	3.697.980.300
- Công ty TNHH Tư vấn Giám sát và Xây dựng La Thành Đô	545.537.545	545.537.545	480.336.057	480.336.057
- Phải trả các đối tượng khác	997.708.824	997.708.824	676.939.530	676.939.530
	<u>2.184.604.045</u>	<u>2.184.604.045</u>	<u>4.855.255.887</u>	<u>4.855.255.887</u>
b) Phải trả người bán chi tiết theo kỳ hạn				
- Phải trả người bán ngắn hạn	2.184.604.045	2.184.604.045	4.855.255.887	4.855.255.887
	<u>2.184.604.045</u>	<u>2.184.604.045</u>	<u>4.855.255.887</u>	<u>4.855.255.887</u>

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Thuế giá trị gia tăng	63.000	-	-	-	63.000	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	4.173.413.795	752.967.416	4.173.413.795	-	752.967.416
- Thuế thu nhập cá nhân	-	8.389.264	9.174.604	8.389.264	-	9.174.604
- Các loại thuế khác	-	-	-	3.000.000	3.000.000	-
	63.000	4.181.803.059	762.142.020	4.184.803.059	3.063.000	762.142.020

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

14. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

	31/03/2016	01/01/2016
	VND	VND
- Doanh thu cho thuê nhà xưởng, văn phòng	1.107.191.476	534.735.000
	1.107.191.476	534.735.000

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của CSH	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	464.986.750.000	4.101.802.120	469.088.552.120
Tăng vốn trong quý I/2015	624.910.600.000	-	624.910.600.000
Lãi trong quý I/2015	-	1.227.229.326	1.227.229.326
Số dư cuối kỳ trước	1.089.897.350.000	5.329.031.446	1.095.226.381.446
Số dư đầu năm nay	1.200.000.000.000	76.057.382.692	1.276.057.382.692
Lãi trong quý I/2016	-	3.010.869.666	3.010.869.666
Số dư cuối kỳ này	1.200.000.000.000	79.068.252.358	1.279.068.252.358

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối kỳ	Tỷ lệ	Đầu năm	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Vốn góp của các cổ đông:	1.200.000.000.000	100%	1.200.000.000.000	100%
- Ông Đỗ Hữu Hạ	600.000.000.000	50%	600.000.000.000	50%
- Ông Đỗ Hữu Hậu	60.000.000.000	5%	60.000.000.000	5%
- Cổ đông khác	540.000.000.000	45%	540.000.000.000	45%
	1.200.000.000.000	100%	1.200.000.000.000	100%

c) Cổ phiếu

	31/03/2016	01/01/2016
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	120.000.000	120.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	120.000.000	120.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	120.000.000	120.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	120.000.000	120.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	120.000.000	120.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND):	10.000	10.000



16. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại

	Đơn vị tính	31/03/2016	01/01/2016
- Đô la Mỹ	USD	1.506,51	1.506,59
- Euro	EUR	8,95	8,95

17. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Doanh thu bán xe máy, phụ tùng oto	5.807.784.547	-
Doanh thu bán thành phẩm xưởng oto	-	990.000.000
Doanh thu bán thùng xe tải	9.654.000.000	12.228.000.000
Doanh thu bán oto đầu kéo Mỹ và linh kiện	104.585.205.004	
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.079.210.100	2.286.858.950
Doanh thu khác	-	4.727.272
	122.126.199.651	15.509.586.222
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan	50.954.000.000	12.368.650.651

18. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	22.727.273	-
		-
	22.727.273	-

19. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Doanh thu thuần bán xe máy, phụ tùng oto	5.807.784.547	-
Doanh thu thuần bán thành phẩm xưởng oto	-	990.000.000
Doanh thu thuần bán thùng xe tải	9.654.000.000	12.228.000.000
Doanh thu thuần bán oto đầu kéo Mỹ và linh kiện	104.562.477.731	
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	2.079.210.100	2.286.858.950
Doanh thu khác		4.727.272
	122.103.472.378	15.509.586.222



20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn của xe máy, phụ tùng oto đã bán	5.799.187.708	-
Giá vốn của thành phẩm xưởng oto đã bán	-	954.256.032
Giá vốn của thùng xe tải đã bán	8.143.560.541	11.658.478.683
Giá vốn của oto đầu kéo Mỹ đã bán và linh kiện thu hồi	104.171.011.973	-
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	801.018.991	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(613.800.000)	-
	118.300.979.213	12.612.734.715

21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.883.431.194	69.032.956
	1.883.431.194	69.032.956

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lỗi chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	11.279.910	10.071.000
	11.279.910	10.071.000

23. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân công	280.685.119	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	104.281.100	-
Chi phí khác bằng tiền	7.737.690	3.180.000
	392.703.909	3.180.000

24. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân công	496.221.600	388.186.370
Chi phí khấu hao tài sản cố định	771.236.701	745.856.787
Thuế, phí, và lệ phí	1.000.000	1.000.000
Chi phí khác bằng tiền	478.403.651	721.151.832
	1.746.861.952	1.856.194.989

25. THU NHẬP KHÁC

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	228.758.494	-
Thu nhập từ xử lý nợ không phải trả	-	477.214.508
	228.758.494	477.214.508

26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính</i>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	3.763.837.082	1.573.652.982
Các khoản điều chỉnh tăng	1.000.000	1.000.000
- Các khoản điều chỉnh khác	1.000.000	1.000.000
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	3.764.837.082	1.574.652.982
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	752.967.416	346.423.656

Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này

Thuế TNDN phải nộp đầu năm	4.173.413.795	534.172.772
Thuế TNDN đã nộp trong kỳ	(4.173.413.795)	(304.141.466)

Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ

	752.967.416	576.454.962
--	--------------------	--------------------

27. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	122.392.787.989	15.252.638.665
Chi phí nhân công	1.212.724.444	1.591.986.370
Chi phí khấu hao tài sản cố định	906.128.257	789.043.335
Chi phí dịch vụ mua ngoài	345.649.138	210.202.705
Chi phí khác bằng tiền	486.141.341	724.331.832
	125.343.431.169	18.568.202.907

28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
			01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
VND	VND	VND	VND	
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	154.445.677.790	-	117.886.697.548	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	17.444.928.610	-	3.773.991.465	-
Các khoản cho vay	83.175.000.000	-	-	-
	255.065.606.400	-	121.660.689.013	

	Giá trị sổ kế toán	
	31/03/2016	01/01/2016
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả người bán, phải trả khác	2.184.604.045	4.855.255.887
	2.184.604.045	4.855.255.887

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Tại ngày 31/03/2016	VND	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	154.445.677.790	-	-	154.445.677.790
Phải thu khách hàng, phải thu khác	17.444.928.610	-	-	17.444.928.610
Các khoản cho vay	83.175.000.000	-	-	83.175.000.000
	255.065.606.400	-	-	255.065.606.400
Tại ngày 01/01/2016				
Tiền và các khoản tương đương tiền	117.886.697.548	-	-	117.886.697.548
Phải thu khách hàng, phải thu khác	3.773.991.465	-	-	3.773.991.465
	121.660.689.013	-	-	121.660.689.013

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Tại ngày 31/03/2016	VND	VND	VND	VND
Phải trả người bán, phải trả khác	2.184.604.045	-	-	2.184.604.045
	2.184.604.045	-	-	2.184.604.045
Tại ngày 01/01/2016				
Phải trả người bán, phải trả khác	4.855.255.887	-	-	4.855.255.887
	4.855.255.887	-	-	4.855.255.887

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

29. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

30. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

	Mối quan hệ	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ			
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy	Cùng Chủ tịch HĐQT	8.954.000.000	11.348.650.651
Công ty Cổ phần Phát triển Dịch vụ Hoàng Giang	Cùng Chủ tịch HĐQT	42.000.000.000	1.020.000.000
Cho vay			
Công ty Cổ phần Thương mại Hưng Việt	Công ty con	38.370.000.000	-
Lãi vay phải thu trong năm			
Công ty Cổ phần Thương mại Hưng Việt	Công ty con	476.174.722	-
Công ty Cổ phần Phát triển Dịch vụ Hoàng Giang	Cùng Chủ tịch HĐQT	-	30.555.556

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

	Mối quan hệ	31/03/2016 VND	01/01/2016 VND
Phải thu ngắn hạn khách hàng			
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy	Cùng Chủ tịch HĐQT	351.999.999	-
Người mua trả tiền trước ngắn hạn			
Công ty Cổ phần phát triển dịch vụ Hoàng Giang	Cùng Chủ tịch HĐQT	101.172.000.000	147.372.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy	Cùng Chủ tịch HĐQT	-	9.279.825.251
Trả trước cho người bán			
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Lâm Hậu	Công ty liên kết	-	127.516.094.000
Công ty Cổ phần Phát triển Dịch vụ Trường Giang	Công ty liên kết	-	149.580.000.000

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và HĐQT	110.890.000	54.213.250

31. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015. Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán là số liệu đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính tương ứng cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/03/2015 là số liệu Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy lập.

Lập, ngày 07 tháng 04 năm 2016

Người lập biểu



Nguyễn Thị Thu Hương

Kế toán trưởng



Phùng Thị Thu Hương

Tổng Giám đốc



Đỗ Hữu Hạ

